

NGUYỄN VĂN LUỸ – LÊ MỸ DUNG

MODULE TH

3

**ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ
CỦA HỌC SINH YẾU KÉM,
HỌC SINH CÁ BIỆT,
HỌC SINH GIỎI
VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- **Bậc Tiểu học** đặt nền móng cho hệ thống giáo dục phổ thông. Luật Giáo dục 2008 đã xác định: “Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở”.
- Giáo viên là người góp phần quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục. Sự hiểu biết những đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định và cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc dạy học và giáo dục học sinh.
- Đối với giáo viên tiểu học, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vững khoa học tâm lí nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có nghề vững vàng.



B. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt học tập/tập huấn module, học viên có kĩ năng tìm hiểu, phân tích đặc điểm tâm lí học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh, thể hiện ở những vấn đề sau:

1. VỀ NHẬN THỨC

- Học viên **PHÁT BIỂU** được đặc điểm tâm lí học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh.
- Học viên **KẾ** được nguyên tắc, quy trình chung và những điều kiện cần thiết trong việc tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh.

2. VỀ KĨ NĂNG

- Học viên **SỬ DỤNG** được một số phương pháp, kĩ thuật đơn giản, **ỨNG DỤNG** vào tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu.

- Bước đầu TỰ ĐUA RA được các cách thức riêng, phù hợp để tìm hiểu đặc điểm tâm lý học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu ở mức độ nhất định.

3. VỀ THÁI ĐỘ

- Học viên có thái độ KHÁCH QUAN, KHOA HỌC, THẬN TRỌNG đối với việc tìm hiểu, đánh giá đặc điểm tâm lý học sinh.
- Học viên có ý thức TỰ RÈN LUYỆN thường xuyên để nâng cao trình độ kĩ năng tìm hiểu, phân tích đặc điểm tâm lý học sinh của bản thân.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH HỌC KÉM

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh học kém.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những khó khăn của học sinh học kém ở các kĩ năng cơ bản (đọc, viết, làm toán).

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh học kém là học sinh có kết quả không đạt chuẩn tối thiểu đã được Nhà nước quy định.

Học sinh tiểu học học kém có kết quả học tập đạt loại yếu, điểm học tập môn Toán và Tiếng Việt dưới trung bình.

Dựa trên chỉ số chính là lực học, cộng thêm cả xu hướng nhân cách của học sinh, phạm vi động cơ của học sinh, có thể phân loại học sinh học kém làm 3 kiểu chính:

- Lực học thấp, kết hợp với thái độ dương tính đối với việc học tập và duy trì được cương vị của một học sinh.

- Hoạt động tư duy có chất lượng cao, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.
- Lực học thấp, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.

Học kém biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau: học kém ở một hoặc nhiều môn, học kém trong từng thời kì, lưu ban, bỏ học, thi trượt.

Học sinh học kém có biểu hiện

- Sự chậm tiến chung và hời hợt trong học tập.
- Học kém từng phần nhưng tương đối dai dẳng và kém chủ yếu ở những bộ môn cơ bản.
- Học kém trong từng thời kì.
- Nắm khái niệm hời hợt, nặng về những nét nổi bật có tính chất chủ quan, một số khái niệm bị thu hẹp hoặc quá mở rộng.
- Nhầm lẫn khái niệm hoặc không vận dụng được khái niệm.
- Lòng tự tin, ý chí học tập giảm sút.
- Nhân cách bị tổn thất dẫn đến suy giảm năng lực lĩnh hội tri thức.
- Thiếu sự mềm dẻo trong tư duy.
- Vốn kiến thức nghèo nàn.
- Khó hình thành được các phẩm chất trí tuệ như các bạn.
- Ghi nhớ chậm và không bền vững.
- Lỗi hổng trong các kiến thức làm cản trở sự lĩnh hội tài liệu mới.
- Thụ động.
- Có tự ý thức nghèo nàn.
- Chú ý kém.
- Thiếu các kĩ năng xã hội.

Học sinh học kém có những đặc điểm chung nhất là:

- Chậm phát triển về mặt tri thức, không đạt được mức yêu cầu của các môn học trong những điều kiện bình thường.

- Các mặt khác của sự phát triển nhân cách có thể không khác hoặc khác so với học sinh cùng lứa tuổi, cùng lớp.
- Nếu không có những biện pháp giáo dục đặc biệt, học sinh học kém khó có thể đạt được mục tiêu giáo dục mà xã hội đề ra.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh học kém.
- Mô tả những khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập của học sinh học kém.
- Mô tả những biểu hiện của học sinh học kém đọc, viết và làm toán.

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

* *Đặc điểm tâm lí của học sinh đọc kém*

- *Khó khăn trong tập đọc (dyslexia)* là một trong những dạng chung nhất của các chứng khó khăn trong học tập. Chứng khó đọc được đặc trưng bằng những khó khăn trong việc diễn đạt hoặc tiếp nhận ngôn ngữ nói hoặc viết. Có thể phân thành ba loại:
 - + *Khó đọc phát triển (developmental dyslexia)* là điều kiện hoặc là tình trạng thiếu năng học tập gây ra khó khăn cho đọc và viết.
 - + *Khó đọc hình ảnh (visual dyslexia)* còn được gọi là chứng khó đọc bề mặt (*surface dyslexia*) và được dùng để chỉ một dạng rối loạn đọc ở đó khó khăn chủ yếu xảy ra với trí nhớ hình ảnh, phân biệt hình ảnh, sắp xếp hình ảnh, nhìn từ trái qua phải, trong việc nhận diện nhanh hình dáng các từ.
 - + *Khó đọc thính giác hoặc chứng khó đọc ngữ âm (auditory dyslexia hoặc phonological dyslexia)*. Chứng khó đọc âm thanh lời nói có khó khăn chủ yếu xảy ra trong việc phân biệt các âm thanh phát ra, trong việc kết hợp

âm, ghi nhớ thông tin theo chuỗi và sắp xếp thông tin nghe, cũng như khó khăn trong phát triển ý thức về ngữ âm.

Những biểu hiện của khó khăn về đọc của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay

- Thêm, bớt từ, thay từ, đọc ngược.
- Bỏ hàng, bỏ chữ khi đọc, không nhận ra chữ.
- Không nhìn thấy một từ hay một hình nếu hình ấy ở giữa những hình khác, hay ở trên bảng có nhiều hình, từ khác.
- Khó khăn trong mã hoá từ – đánh vần. Ví dụ, trẻ có thể đọc *m-u-ô-i-ngã*, nhưng không nói *muối* được. Nhưng nếu nghe nói, hoặc nghe đọc từ ấy, trẻ có thể nói/ đọc theo.
- Đọc chậm.
- Thiếu ý thức về âm thanh được thể hiện trong các từ, về trật tự âm hoặc chuỗi âm tiết. Phát âm không chuẩn, phát âm sai.
- Ngắt nghỉ không đúng chỗ, hay đọc sai khi gặp từ khó.
- Nhận diện chuỗi các số kém, chuỗi các con chữ trong các từ một cách khó khăn khi đọc và viết, đặc biệt là những chữ có cấu tạo các chữ tương tự nhưng ngược hướng. Ví dụ: b – d, ng – nh, ang – gan...
- Khó khăn trong việc đọc hiểu: thường chỉ trả lời được những câu hỏi đòi hỏi tìm chi tiết cụ thể một. Nhiều khi phải nghe lặp lại câu hỏi nhiều lần mới trả lời được.
- Khó khăn trong việc diễn đạt ý dưới hình thức viết và hình thức nói.
- Ngôn ngữ nói thường thể hiện ngắc ngứ, trì hoãn.
- Lẫn lộn về phương hướng trong không gian hay thời gian (trái và phải, trên và dưới, hôm qua và ngày mai...).
- Diễn giải lại ngôn ngữ nghe được thường không chính xác và không đầy đủ.

Ngoài những đặc điểm về ngôn ngữ vừa nêu trên, trẻ khó đọc có những biểu hiện về tâm lí như:

- Có thể có vẻ sáng sủa, thông minh, ăn nói lưu loát, tuy nhiên trình độ đọc viết và chính tả thấp hơn nhóm trung bình.
- Có trí thông minh trung bình hoặc trên trung bình nhưng thành tích học tập kém.
- Có thể có khả năng ngôn ngữ, nhưng sẽ rất kém trong các bài kiểm tra viết.
- Dễ bị mọi người gán cho là lười biếng, căm (trất ít nói chuyện với người khác, chỉ nói khi đã rất thân quen), ấu, khờ, không cố gắng, hay có vấn đề về cư xử.
- Có thể cảm thấy thụ động, dễ xúc động và hay bực bội về việc đọc hay kiểm tra trong lớp.
- Có thể cố gắng che giấu những nhược điểm của mình trong việc đọc bằng những thủ thuật.
- Có thể có tài năng trong các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, kịch nghệ, thiết kế, buôn bán kinh doanh.
- Khó tập trung chú ý trong học tập. Chẳng hạn, có vẻ như thường “mơ màng”, dễ dàng lạc hướng và duy trì sự chú ý một cách khó khăn.

* *Đặc điểm tâm lý của học sinh viết kém*

Khó khăn trong tập viết (dysgraphia) là tình trạng khiếm khuyết trong học tập liên quan đến vấn đề khó khăn trong cách thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và hình tượng. Nói chung, nó thường chỉ đến khả năng viết tay nghèo nàn của trẻ.

Trẻ có khó khăn trong tập viết thường có một chuỗi các vấn đề. Các nghiên cứu chỉ ra rằng những vấn đề thường xuất hiện bao gồm nhận thức (chữ cái/ chữ số, viết ngược các từ, viết kí tự ra ngoài vùng, viết chữ nhỏ) dường như liên quan trực tiếp đến quá trình xử lí thông tin tuần tự/ tỉ lệ. Các học sinh này thường có khó khăn trong khi viết về một dãy các kí tự hoặc các từ. Kết quả là học sinh cần chậm rãi để viết đúng, rất khó khăn với “cơ chế” viết (đánh vần...). Chúng dường như lẫn lộn các kí tự và số trong công thức. Các học

sinh này thường làm các bài tập rất chậm và không kịp suy nghĩ về những gì chúng viết.

Những biểu hiện của khó khăn trong tập viết của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay

- Không viết theo một hướng nhất định.
- Chữ nguệch ngoạc, xiêu vẹo.
- Không cách từ, cách hàng.
- Không viết chính tả được nếu bên ngoài ôn, có nghĩa là không phân biệt được âm thanh nền và âm thanh phụ.
- Thêm, bớt chữ, thay từ, viết ngược.
- Viết và giải các phép tính không theo cột, theo hàng.
- Chép lại đúng, nhưng nghe và viết lại thì sai.
- Trả lời đúng, nhưng viết câu trả lời thì sai.
- Chấm câu ngẫu nhiên (hoặc không có). Lỗi đánh vần (đôi khi một từ được đánh vần khác nhau); sự đảo ngược; phát âm gần đúng; sự thiếu âm; lỗi trong các hậu tố chung. Thiếu kĩ năng và rối loạn trong cú pháp. Sự không thể hiện được các câu hỏi. Rối loạn trong đánh số và đánh số ngược.
- Nhầm lẫn chữ in và chữ viết tay, chữ in và chữ thường, hoặc kích cỡ không đúng, hoặc chữ in nghiêng, chữ thẳng đứng.
- Cầm bút khó khăn, không đúng quy định.
- Tự nói chuyện trong khi viết hoặc nhìn chăm chú vào tay viết.
- Hạn chế trong việc dùng các biện pháp tu từ, thiếu từ để viết tập làm văn, ý sơ sài, câu lủng củng.
- Lúng túng khi viết kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.

* *Đặc điểm tâm lí của học sinh làm toán kém*

Khó khăn trong tính toán (dyscalculia) có nhiều dạng khác nhau, mỗi dạng kéo theo dạng đặc trưng của vấn đề trong việc giải quyết những nhiệm vụ toán học.

Học sinh có khó khăn trong tính toán cần khoảng thời gian dài để thực hiện ngay cả những nhiệm vụ tính toán đơn giản... Các em vẫn còn sử dụng các ngón tay ngay cả trong các lớp lớn. Những khó khăn dạng này được gọi là những khó khăn tự động. Ngoài ra, những khó khăn ngôn ngữ có thể tự thể hiện trong những khó khăn hiểu các số như những khái niệm, trẻ hiểu biết giới hạn về các số hoặc các hình tượng số.

Hình dạng khác của khó khăn trong tính toán bao gồm những khó khăn lập kế hoạch mà hướng những sai lầm của trẻ đến việc thực hiện hiệu quả các phép toán. Ở đây trẻ có khó khăn trong thể hiện chiến lược giải bài toán số học, hoặc giải đúng bài toán; khó khăn trong việc suy nghĩ logic cũng như thực hiện các phép toán.

Những biểu hiện của khó khăn trong làm toán của học sinh học kém trong nhà trường Tiểu học hiện nay

- Chọn không đúng thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.
- Bỏ sót số 0 khi thực hiện phép chia các số tự nhiên.
- Sử dụng không đúng quy tắc lấy một số trừ đi một tổng hay lấy một số trừ đi một hiệu.
- Sử dụng không đúng quy tắc rút gọn phân số.
- Không nhớ chính xác “thuật giải” các dạng bài tập.
- Không xét hết các trường hợp của bài toán, đặc biệt các “bài toán mở”.
- Không có biểu tượng trực quan đúng về đối tượng.
- Chọn không đúng các phép toán khi giải các bài toán bằng lời.
- Đo hay dựng không đúng các góc từ thước đo góc.
- Thực hiện việc dịch dấu phẩy không đúng khi làm các phép tính trên các số thập phân.
- Trình bày không đúng lập luận và chứng minh.
- Nhầm lẫn kí hiệu đơn vị độ dài, diện tích, thể tích...
- Nhầm lẫn các khái niệm: nhiều hơn – ít hơn, trước – sau, trên – dưới, hôm qua – hôm nay, 2 tiếng – nửa giờ...

- Thuộc bảng cửu chương nhưng sử dụng sai.
- Nhận ra thứ tự số trong dãy số, nhưng nếu số đứng một mình thì không biết thứ tự.
- Nhầm lẫn các số 69 – 96, 63 – 36, 17 – 71...
- Tính trên máy tính được, nhưng không áp dụng vào thực tế cuộc sống.
- Không hiểu các khái niệm “mang sang” trong toán cộng và “muộn” trong toán trừ.

Hoạt động 2

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH CÁ BIỆT

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh cá biệt.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những biểu hiện của học sinh cá biệt trong lớp.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh cá biệt là những học sinh chưa ngoan, có những hành vi không mong đợi được lặp lại thường xuyên và trở thành hệ thống, thể hiện bởi thái độ, hành vi không phù hợp với giá trị, nội quy, truyền thống của tập thể, không thực hiện tròn bổn phận và trách nhiệm của người học sinh, hoặc thiếu văn hoá, đạo đức trong quan hệ ứng xử với mọi người, mặc dù đã được giáo viên, gia đình quan tâm chỉ dẫn, giáo dục.

Học sinh cá biệt thường có những biểu hiện phổ biến sau:

- Học sinh có những thay đổi khác lạ trong thái độ, cách cư xử: trở nên lãnh đạm, không chan hoà, không muốn hoà đồng, cáu kỉnh, xúc phạm người khác, thậm chí gây gổ.
- Không quan tâm, hứng thú với trường học và việc học, học sa sút, thậm chí là bỏ học.
- Thiếu tự tin vào bản thân. Không tin cậy người khác.

- Thường xuyên vi phạm nội quy của lớp, trường.
- Cố thu hút sự chú ý của người khác bằng những hành vi như phá phách, vô lễ, ăn cắp, nói dối...
- Hay đánh đập bạn, hay ồn trong lớp học, bỏ học, trốn học để chơi game.
- Có những hành vi chống đối vô lối với giáo viên.
- Có những hành động kì quặc, khiến cho lớp học luôn trong trạng thái bất ổn.
- Có thái độ xem thường bạn bè, thầy cô...
- Thường xuyên nói tục...
- Thường xuyên không tham gia vào các hoạt động học tập của lớp.

Để xác định được nội dung và biện pháp giáo dục học sinh cá biệt, giáo viên cần tìm hiểu nguyên nhân, mục đích của hiện tượng này:

- Các nguyên nhân:
 - + Nguyên nhân do yếu tố sinh học.
 - + Nguyên nhân do yếu tố tâm lí.
 - + Nguyên nhân do môi trường xã hội.
- Mục đích:
 - + Thu hút sự chú ý.
 - + Thể hiện quyền lực.
 - + Trả đũa.
 - + Thể hiện sự không thích hợp.
 - + Suy nghĩ không hợp lí.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt.
- Mô tả các biểu hiện trong học tập của học sinh cá biệt.
- Trình bày và phân tích những nguyên nhân gây ra những hành vi không mong đợi ở học sinh cá biệt.

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- Nắm vững nội dung cơ bản được đề cập ở phần thông tin cơ bản.
- Vận dụng vào thực tế tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt và tổ chức các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt ở lớp, ở trường tiểu học.
- Một số công cụ giúp giáo viên tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt:
Ví dụ 1: Tìm hiểu mức độ hành vi đạo đức của học sinh tiểu học theo nhận xét của cha mẹ.

Cách tiến hành: Đề nghị cha mẹ học sinh trả lời vào bản tự khai sau đây:

1. Trong gia đình học sinh có vắng lời và thực hiện công việc không?
 - a. Không bao giờ.
 - b. Rất ít khi.
 - c. Thường hay.
 - d. Luôn luôn.
2. Hành vi của học sinh khi ở nhà:
 - a. Thường xuyên tỏ ra hỗn láo, có hành vi xấu.
 - b. Hay bộc lộ hành vi xấu, không quan tâm đến nhận xét.
 - c. Bao giờ cũng nghịch ngợm nhưng có sửa chữa khi cha mẹ răn đe.
 - d. Luôn luôn tốt, nghe lời.
3. Về tính nhạy cảm và lòng vị tha đối với cha mẹ, họ hàng:
 - a. Thường xuyên hỗn láo, thô bạo.
 - b. Hay tỏ ra thô lỗ, ích kỉ, nhấn tâm.

- c. Không phải bao giờ cũng quan tâm, tốt bụng.
 - d. Nhân hậu, quan tâm, tốt bụng.
4. Về sự chăm chỉ lao động:
- a. Rất lười, lảng tránh việc nhà.
 - b. Hay lảng tránh việc nhà, chỉ làm khi có yêu cầu.
 - c. Không phải bao giờ cũng giúp người khác, chỉ làm khi có kiểm tra, đôn đốc.
 - d. Ưa thích công việc trong gia đình, giúp đỡ người lớn.
5. Về đức khiêm tốn:
- a. Rất kiêu căng, khoác lác, tự cao.
 - b. Hay tỏ ra tự phụ, khoe khoang.
 - c. Thỉnh thoảng tỏ ra kiêu căng.
 - d. Bao giờ cũng tỏ ra khiêm tốn.
6. Trẻ em có phê bình người khác không?
- a. Chẳng phê bình ai, chỉ lựa theo ý kiến mọi người.
 - b. Ít phát biểu ý kiến riêng của mình, ít phê bình người khác.
 - c. Phê bình nhưng không phải bao giờ cũng đúng và hợp lí.
 - d. Biết phê bình người khác đúng lúc và đúng chỗ.
7. Về tự phê bình:
- a. Dễ phản ứng khi người khác nhận xét.
 - b. Không tiếp thu phê bình, nhận xét của người khác.
 - c. Không chịu sửa chữa khi người khác phê bình hoặc uốn nắn.
 - d. Biết tự nhận thiếu sót, có chú ý sửa chữa.
8. Về học tập ở nhà:
- a. Không chịu khó học bài, làm bài, tỏ ý không muốn học.
 - b. Thiếu tinh thần trách nhiệm với bài làm về nhà.

- c. Không lo lắng đến việc học bài ở nhà.
- d. Tự nguyện và có trách nhiệm với bài làm ở nhà.

9. Thái độ đối với hoạt động xã hội:

- a. Không ưa thích hoạt động xã hội, không hoàn thành công việc xã hội.
- b. Thiếu tinh thần trách nhiệm với công việc của lớp, của tập thể, bố mẹ phải đôn đốc.
- c. Thường xuyên không muốn tham gia công việc lớp, tập thể.
- d. Tự nguyện tham gia công việc lớp, tập thể về nhà thích thú kể lại công việc đã làm.

10. Thái độ đối với lớp học, với trường:

- a. Không thích học ở lớp đó, có ý nghĩ không tốt về lớp, về trường.
- b. Thờ ơ với công việc của lớp, của trường.
- c. Thích lớp, thích trường nhưng ít tham gia hoạt động do lớp, trường tổ chức.
- d. Thích lớp, trường, có dịp làm việc tốt cho lớp và trường.

Cách xử lí:

Nhận được các bản trả lời của cha mẹ, giáo viên tổng kết lại, tính điểm cho từng em đạt được a = 1 điểm, b = 2 điểm, c = 3 điểm, d = 4 điểm. Lấy tổng số chia cho 10 (10 câu hỏi).

Mức độ biểu hiện các hành vi đạo đức muốn khảo sát:

- Từ 1 đến 1,4: Không thể hiện.
- Từ 1,5 đến 2,4: Thể hiện yếu.
- Từ 2,5 đến 3,4: Có thể hiện nhưng mờ nhạt.
- Từ 3,5 đến 4: Thể hiện rõ.

Ví dụ 2: Sử dụng thang đánh giá mức độ hiếu động dành cho giáo viên (TRS) đánh giá học sinh tiểu học của mình và bước đầu có nhận xét sơ bộ về mức độ hiếu động của các em.

Thang đánh giá mức độ hiếu động của trẻ dành cho thầy cô giáo (TRS)

TT	Biểu hiện	Mức độ			
		Không	Có ít	Nhiều	Rất nhiều
1	Ngộ nguậy không yên				
2	Trong trường hợp nên yên lặng thì lại làm ồn.				
3	Yêu cầu phải được lập tức thỏa mãn				
4	Động tác sổ sàng (vô lễ)				
5	Nóng nảy, làm những hành vi không thể dự liệu được				
6	Rất miễn cảm với sự phê bình của người khác				
7	Dễ phân tâm, không tập trung chú ý				
8	Gây trở ngại cho bạn bè cùng lứa				
9	Hay mơ mộng				
10	Bịu môi và nóng giận				
11	Tình cảm thay đổi rất nhanh				
12	Thích cãi nhau				
13	Có thể nghe lời theo uy quyền				
14	Ngồi không yên một chỗ				
15	Dễ hung phấn, kích động				
16	Đòi hỏi quá đáng sự chú ý của thầy cô giáo				
17	Không tiếp thu vì tập thể				
18	Dễ bị những đứa trẻ khác lãnh đạo				
19	Thiếu ý thức cạnh tranh công bằng, hợp lí				
20	Thiếu năng lực lãnh đạo, chỉ huy				

TT	Biểu hiện	Mức độ			
		Không	Có ít	Nhiều	Rất nhiều
21	Không hoàn thành công việc				
22	Tính trẻ con				
23	Hay đổ lỗi cho người khác				
24	Không thể hoà hợp với người khác				
25	Không hợp tác với bạn cùng lớp				
26	Rất dễ nản chí				
27	Không hợp tác với thầy cô				
28	Học tập khó khăn				

Thang đánh giá gồm có 28 biểu hiện, chia làm 4 nhóm chính: Phẩm hạnh, hiếu động, khả năng tập trung chú ý kém, bốc đồng.

Cách tính điểm: với 4 thang:

- Không = 0 điểm.
- Có ít = 1 điểm.
- Nhiều = 2 điểm.
- Rất nhiều = 3 điểm.

Hoạt động 3

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH GIỎI VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những biểu hiện của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trong lớp.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh giỏi, học sinh năng khiếu là những học sinh hoàn thành công việc một cách dễ dàng, khiến mọi người phải kinh ngạc.

Năng khiếu là tư chất vốn có làm cơ sở cho năng lực mà dưới tác động của môi trường, của luyện tập sẽ được phát triển hoặc không.

Năng khiếu là dấu hiệu phát triển sớm ở trẻ em một tài năng nào đó khi trẻ chưa được tiếp xúc một cách có hệ thống trong lĩnh vực hoạt động tương ứng.

Năng khiếu bộc lộ ra ở nhiều khía cạnh, như: tốc độ vượt trội trong việc hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể so với trẻ đồng trang lứa, thành tích xuất sắc trong một lĩnh vực nhất định, thiên hướng hoạt động mãnh liệt hoặc sự sáng tạo trong hoạt động ở một lĩnh vực nào đó.

“Trẻ có năng khiếu và tài năng là những đứa trẻ được phát hiện bởi những người có trình độ chuyên môn với những khả năng nổi trội. Đây là những đứa trẻ đòi hỏi cần được học tập trong các chương trình giáo dục đặc biệt và/hoặc các dịch vụ nằm ngoài các chương trình mà thông thường được cung cấp bởi chương trình học thường xuyên để thực hiện đóng góp cho chính mình và xã hội” (Marland, 1972).

Trên thế giới đã có nhiều bộ trắc nghiệm (test) để phát hiện năng khiếu, nhưng không phải là phương pháp duy nhất, vì muốn tìm được trẻ có tư chất phải tiến hành “đo” nó ở cấp độ quá trình chứ không phải căn cứ vào kết quả phép thử, cần phải thông qua hoạt động mà các em là chủ thể.

Đội ngũ giáo viên tiểu học có khả năng rất to lớn, vì là người tiếp xúc hàng ngày với trẻ, tổ chức cho các em hoạt động và đánh giá hoạt động của các em. Giáo viên có vai trò quan trọng trong việc phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Vì học sinh có năng khiếu có thể trở thành tài năng nếu các em gặp được giáo viên biết cách dạy dỗ và người thầy đó xuất hiện đúng lúc.

* *Dấu hiệu nhận biết trẻ có năng khiếu*

Đã có nhiều công trình nghiên cứu việc xác định tiêu chí nhận diện ra trẻ có năng khiếu trên thế giới hiện nay. Sau đây là một số tiêu chí cơ bản để nhận diện năng khiếu theo tài liệu của Đại học Osnabrücken – Đức:

- Ngôn ngữ phát triển cao hơn so với trẻ cùng lứa: vốn từ lớn diễn đạt tốt.
- Đọc nhiều và có khả năng đọc sách không dành cho lứa tuổi. Ví như trẻ học lớp 1 có thể đọc trôi chảy, viết chính tả tốt từ vựng khó của sách lớp trên.
- Luôn muốn tự giải quyết công việc riêng và dễ dàng đạt tới kết quả cao.
- Không bằng lòng với kết quả và nhịp điệu làm việc, muốn đạt tới sự hoàn hảo.
- Quan tâm tới nhiều vấn đề của người lớn: tôn giáo, kinh tế, chính trị, lịch sử, giới tính/ không chấp nhận quyền uy, cô tình thần phê phán.
- Có xu hướng tìm bạn ngang bằng năng lực, thường là hơn tuổi.
- Tinh thần trách nhiệm cao, không muốn bằng mọi giá để có sự đồng thuận.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.
- Những biểu hiện trong học tập của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu?

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

Học sinh giỏi là những học sinh đạt kết quả học tập ở mức cao so với chuẩn quy định, là những học sinh có năng khiếu cao trong một hoặc nhiều lĩnh vực nào đó.

Học sinh năng khiếu chính là những học sinh có những tư chất bẩm sinh, di truyền, có năng khiếu cao trong một lĩnh vực nào đó, dù chưa được giáo dục, đào tạo.

Một số đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu

- Có ý thức rõ rệt đối với việc học tập. Say mê học tập, thái độ của các em đối với các môn học trở nên có lựa chọn hơn, có hứng thú với một môn học nào đó.

- Đối với học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, hoạt động học tập được thúc đẩy mạnh mẽ nhất bởi động cơ nhận thức (còn gọi là động cơ hoàn thiện tri thức). Hoạt động học tập được thúc đẩy bởi động cơ này là tối ưu theo quan điểm sư phạm. Loại động cơ này còn được gọi là động cơ bên trong theo cách gọi của A.V. Pêtrôpxki, nghĩa là các em có lòng khao khát mở rộng tri thức, mong muốn có nhiều hiểu biết, say mê với bản thân quá trình giải quyết các nhiệm vụ học tập của môn Toán...
- Có chỉ số thông minh (IQ cao), nhận thức nhanh biểu hiện ở tốc độ tư duy, tốc độ vận dụng nhanh khi giải quyết các bài tập mới lạ, không quen thuộc...
- Có năng lực tập trung trí tuệ cao với cường độ lớn trong một thời gian dài (3 – 4 tiếng đồng hồ liên tục).
- Có năng lực tự học cao. Biết tư duy độc lập, tự phát hiện và giải quyết vấn đề và đặc biệt là đánh giá được vấn đề đã giải quyết. Các em ít khi vừa lòng với những lời giải bình thường mà có khuynh hướng tìm tòi lời giải mới mẻ, độc đáo, ngắn gọn (lời giải đẹp).
- Có năng lực khái quát hoá cao. Các em thường có khuynh hướng muốn đi tới những bài tổng quát hơn.
- Có cá tính rõ rệt. Đây là một trong những điều kiện của sự sáng tạo.
- Rất tự tin (thậm chí đến mức làm cho người khác nghĩ là các em quá tự tin, kiêu ngạo) ở năng lực trí tuệ của bản thân trong việc giải quyết các nhiệm vụ học toán và có quyết tâm cao để vượt qua những khó khăn, thử thách khi phải đối mặt với nhiệm vụ khó.
- Liên tục cho thấy sự tò mò trí tuệ; yêu cầu đặt câu hỏi.
- Có một loạt mối quan tâm, thường về một loại tri thức, bày tỏ một hoặc nhiều mối quan tâm sâu sắc.
- Có sự vượt trội rõ rệt trong ngôn từ cả về số lượng và chất lượng, là sự quan tâm đến tính tinh tế của từ ngữ và những ứng dụng của chúng.
- Say mê đọc và hấp thu những cuốn sách tốt vượt xa lứa tuổi của mình.
- Tiếp thu bài nhanh và dễ dàng và ghi nhớ những gì đã được học, nhớ lại những thông tin quan trọng, khái niệm và nguyên tắc, dễ dàng thấu hiểu.

- Hiểu biết về các vấn đề về số học đòi hỏi phải có sự suy luận cẩn thận và dễ dàng nắm lấy các khái niệm toán học.
- Sáng tạo hoặc biểu hiện trí tưởng tượng trong những thứ như âm nhạc, nghệ thuật, múa, kịch, cho thấy độ nhạy cảm và tinh tế trong nhịp điệu, chuyển động, điều khiển cơ thể.
- Duy trì sự tập trung trong một thời gian dài và cho thấy năng lực vượt trội, tính độc lập trong công việc của lớp.
- Thiết lập tiêu chuẩn cao một cách thực tế cho bản thân là quan trọng trong việc đánh giá bản thân và điều chỉnh những nỗ lực riêng của mình.
- Cho thấy sáng kiến và tính độc đáo trong công việc trí tuệ, cho thấy sự linh hoạt trong suy nghĩ và xem xét vấn đề từ nhiều quan điểm.
- Nhận định sâu sắc và phản ứng nhanh với những ý tưởng mới.
- Thể hiện sự chững chạc và khả năng giao tiếp với người lớn một cách trưởng thành. Tò ra hứng thú và hân hoan trước thử thách trí tuệ, cho thấy một sự hoạt bát và sự hài hước tinh tế.

Hoạt động 4

XÁC ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC, CÁC BƯỚC, CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ CÁC MẶT CẦN TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ Ở HỌC SINH CÁ BIỆT, HỌC SINH KÉM, HỌC SINH GIỎI VÀ NĂNG KHIẾU

I. MỤC TIÊU

- Xác định được các nguyên tắc chung trong tìm hiểu tâm lý học sinh;
- Xác định được các bước tổ chức tìm hiểu tâm lý học sinh một cách phù hợp;
- Xác định được các mặt phát triển tâm lý cần tìm hiểu ở học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu;
- Xác định được các điều kiện cần thiết để tìm hiểu học sinh phù hợp lứa tuổi.

II. THÔNG TIN

* Các nguyên tắc chung trong tìm hiểu tâm lí học sinh

- Hiện tượng tâm lí không thể được đo đạc một cách trực tiếp nhưng có thể đánh giá gián tiếp thông qua các sản phẩm hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp. Đối với lứa tuổi học sinh trung học, đó là hoạt động học tập, các hoạt động chung khác của học sinh, giao tiếp của học sinh với người lớn (trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội) và với bạn cùng lứa. Điều này thể hiện nguyên tắc gián tiếp, khách quan, xã hội – lịch sử trong nghiên cứu tâm lí học. Các nguyên tắc này cần được quán triệt trong tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh để đảm bảo thu được tư liệu một cách tin cậy nhất. Ngoài ra, từ phía giáo viên chủ nhiệm cần tránh sự định kiến, nông cạn đối với học sinh.
- Việc tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh cần tuân thủ các bước: xác định mục đích; thời gian; phạm vi; cách thức; điều kiện tìm hiểu; hướng phối hợp xử lí thông tin; hướng lưu trữ, khai thác thông tin về học sinh.
- Nội dung tìm hiểu tùy theo mục đích và bám vào cấu trúc nhân cách học sinh.

* Giáo viên phải làm những gì để tìm hiểu tâm lí học sinh?

- Trước hết, GV cần xác định rõ các thời điểm tìm hiểu học sinh và mục đích của việc tìm hiểu học sinh ở từng thời điểm khác nhau trong suốt năm học để có thái độ và sự chuẩn bị phù hợp, hiệu quả (Tìm hiểu học sinh vào những thời điểm nào trong năm học? Tìm hiểu tất cả học sinh trong lớp hay chỉ tập trung vào một số em? Tìm hiểu về các em đó để làm gì? Phục vụ cho cái gì?...). Có thể xem đây như là việc lập kế hoạch tổng thể cho cả năm học về việc tìm hiểu học sinh, thể hiện tính chủ động của GV.
- GVCN xác định phạm vi cần tìm hiểu và các nguồn thông tin cần thu thập, hay xác định các đối tượng cung cấp thông tin đáng tin cậy (Tìm hiểu cái gì cụ thể ở học sinh? Ai là người cung cấp thông tin đáng tin cậy và phù hợp nhất?).

- GVCN xác định các cách thức, phương tiện, công cụ cần sử dụng để thu thập thông tin (Tìm hiểu bằng những cách trực tiếp hay gián tiếp? Sử dụng phương tiện/công cụ gì để lấy thông tin?).
- GVCN xác định cách thức xử lý, phân tích các thông tin thu được. Nếu cần thiết, có thể yêu cầu sự hỗ trợ phối hợp của các nhà chuyên môn về tâm lý giáo dục.
- GVCN cần lên kế hoạch cụ thể, hợp lý để thu thập được đầy đủ thông tin nhất ở từng thời điểm về học sinh với thời gian ngắn nhất, đảm bảo để tất cả học sinh được tiếp cận, tìm hiểu ở trong cùng thời điểm. Điều này rất quan trọng để có thể hiểu đúng về học sinh vì như trên đã đề cập, ở lứa tuổi này ngự trị “Quy luật về tính mất cân đối tạm thời” và “Quy luật về tính không đồng đều” trong sự phát triển.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành tìm hiểu học sinh đảm bảo một cách khách quan, chính xác nhất có thể. Trong trường hợp khó khăn/hạn chế về thời gian, GVCN có thể phối hợp/yêu cầu sự hỗ trợ với/của các giáo viên bộ môn khác cùng dạy ở lớp mình đang làm chủ nhiệm hoặc phối hợp với nhà tâm lý học đường nếu trong trường có phòng tâm lý học đường. Theo kinh nghiệm thì đây là cách hiệu quả mà các GVCN nên thực hiện.
- Tiến hành xử lý, phân tích thông tin về học sinh, có sự phối hợp với các giáo viên khác, với gia đình học sinh, với các nhà chuyên môn về tâm lý giáo dục khi thấy cần thiết.
- Tổ chức lưu trữ thông tin về học sinh sao cho an toàn, bí mật (với những thông tin cần thiết), nhưng có thể khai thác, cập nhật dễ dàng, thuận tiện khi cần.
- * Giáo viên cần thu thập thông tin ở đâu/thông qua nguồn nào?

Tâm lý là hiện tượng tinh thần, vì thế không thể “cân, đong, đo, đếm” trực tiếp như đối với các hiện tượng vật chất. Nhưng tâm lý con người được bộc lộ trong quá trình hoạt động và giao tiếp, vì thế, có thể đánh giá tâm lý con người một cách gián tiếp thông qua suy nghĩ, tình cảm, hành vi của họ. Nhân cách con người được biểu hiện ở cấp độ cá nhân –

trong mối quan hệ với chính bản thân; ở cấp độ nhóm – trong mối quan hệ liên nhân cách (với bạn bè cùng tuổi, gia đình, giáo viên...); ở cấp độ xã hội – trong mối quan hệ với các quy tắc, chuẩn mực chung của xã hội. Quá trình hình thành nhân cách là quá trình cá nhân chịu sự tác động từ các môi trường giáo dục khác nhau: gia đình, nhà trường, xã hội bên ngoài, đồng thời là quá trình cá nhân hoạt động tích cực để chiếm lĩnh nền văn hoá xã hội – lịch sử, trong đó, hoạt động của cá nhân có ý nghĩa quyết định. Điều này có thể cho phép xác định lĩnh vực cần tìm hiểu để hiểu về tâm lí học sinh nói riêng, con người nói chung. Một cách cụ thể, đó là:

- Tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình hiện tại của học sinh và môi trường trong đó học sinh được sinh ra và lớn lên;
 - Tìm hiểu về bản thân học sinh với đầy đủ các khía cạnh trong sự phát triển về mặt tâm lí, thể chất của các em; những mâu thuẫn nảy sinh (sức khoẻ, thói quen; tính khí; định hướng giá trị – những điều mà các em cho là quan trọng; kì vọng/mong muốn; quan niệm về việc học tập; cách thức suy nghĩ về học tập/cuộc sống; các mối quan tâm/hứng thú thường xuyên; năng khiếu/sở trường/sở đoản; khả năng tập trung; xu hướng nhân cách; quan niệm về cái chung và cái riêng; cách nhìn nhận về các mối quan hệ người – người...). Giáo viên chủ nhiệm cần hiểu được những suy nghĩ, niềm tin chưa đúng dẫn đến hành vi tiêu cực của học sinh để tư vấn, làm thay đổi những nhận thức và niềm tin sai lệch của học sinh, giúp các em thay đổi hành vi, đồng thời cũng cần nắm được những nhu cầu, mong muốn tích cực của học sinh để khích lệ các em.
 - Tìm hiểu các nhóm bạn của học sinh, trong đó có môi trường lớp học mà giáo viên đang làm chủ nhiệm.
- * *Giáo viên tìm hiểu học sinh bằng cách nào/như thế nào? Một số gợi ý.*
- Có nhiều cách làm khác nhau để thu thập thông tin tìm hiểu học sinh, chẳng hạn dưới đây là một số cách:
- Nghiên cứu các tư liệu/hồ sơ về học sinh đã có từ trước;

- Sử dụng các phiếu trưng cầu ý kiến do GVCN tự soạn thảo hoặc tham khảo có sẵn từ các nguồn khác nhau;
- Sử dụng các trắc nghiệm đơn giản có sẵn (test chú ý, trí nhớ, IQ, CQ, EQ...);
- Trò chuyện với học sinh trước và sau buổi học;
- Cùng tham gia vào các hoạt động với học sinh ;
- Tổ chức cho học sinh viết bài luận theo chủ đề tự do;
- Yêu cầu học sinh viết những nhận xét tức thời về giờ học/buổi học;
- Chụp ảnh, ghi hình; quan sát trực tiếp hoặc từ xa;
- Sử dụng một số kĩ thuật phân tích nhóm;
- Tìm hiểu về học sinh thông qua các đối tượng khác (cha mẹ, giáo viên bộ môn, cán bộ Đội...).

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Nắm vững các nguyên tắc chung trong tìm hiểu tâm lí học sinh.
- Nắm được các bước tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh một cách phù hợp.
- Vận dụng các cách thức để tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu trong thực tế.

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

Dưới đây sẽ giới thiệu một số cách thức cụ thể để các giáo viên tham khảo: Trước khi đi sâu vào tìm hiểu từng học sinh, giáo viên cần nắm được một cách đầy đủ về một số *đặc điểm tâm lí – xã hội chung của lớp học* do mình làm chủ nhiệm. Các thông tin về lớp học sẽ giúp giáo viên có được một cái nhìn khái quát, song cũng khá cụ thể về học sinh, từ đó sẽ có những định hướng sâu sát hơn đối với từng em.

1. Phiếu đánh giá về đặc điểm tâm lí - xã hội của lớp học có thể gồm những nội dung sau:

- Họ tên giáo viên đã dạy học sinh từ lớp dưới;
- Các tư liệu giáo dục của tập thể lớp;
- Sự thay đổi các giáo viên chủ nhiệm lớp (nếu có);
- Đặc điểm xã hội của học sinh (địa bàn sinh sống, các mối tiếp xúc/ quan hệ);
- Đặc điểm hoạt động của lớp học, ảnh hưởng của nó đến toàn bộ lớp học;
- Đặc điểm trình độ giáo dục của học sinh;
- Các nhóm nhỏ trong lớp học, nguyên nhân xuất hiện, ảnh hưởng đối với toàn bộ lớp;
- Đặc điểm vị thế của cá nhân trong lớp học;
- Văn hoá giao tiếp của học sinh (trong lớp, trong trường, trong nhóm);
- Các phương thức giải quyết mâu thuẫn trong tập thể;
- Những học sinh bị lưu ban và đặc điểm của các em;
- Những học sinh học giỏi, năng khiếu và đặc điểm của các em;
- Sự tham gia của học sinh vào tập thể lớp học;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh vào cuộc sống của tập thể học sinh;
- Sự tham gia của lớp học vào cuộc sống nhà trường;
- Những thành tích đạt được trong quá trình phát triển của tập thể.
- Các "vấn đề" tồn tại trong quá trình phát triển của tập thể học sinh:
 - + Học sinh yếu/kém trong học tập;
 - + Học sinh "có vấn đề" về hành vi;
 - + Học sinh có sức khoẻ kém;
 - + Học sinh "có vấn đề trong giao tiếp" với bạn cùng tuổi.

Ví dụ: Có thể dựa vào mẫu dưới đây để phân tích, đánh giá một năm học:

Phiếu Tâm lí – Sự phạm của học sinh trong lớp

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Họ, tên học sinh											
Chú ý											
Trí nhớ	Thị giác										
	Thính giác										
	Từ ngữ – lôgic										
Tư duy	So sánh										
	Thiết lập quy luật										
	Khái quát hoá										
	Trừu tượng hoá										
	Tổng hợp, phân tích										
	Trực quan hành động										
Tưởng tượng sáng tạo											
Vốn từ											
Khả năng đọc											
Tính ý thức											
Phát âm											
Phạm vi quan hệ											
Chung											

Các mức độ đánh giá là: “Cao”, “Trung bình”, “Thấp”, “Trung bình khá”,
“Trung bình yếu”.

2. Mẫu phiếu tìm hiểu đặc điểm gia đình học sinh

Họ tên cha mẹ	Tình trạng tâm lý – đạo đức trong gia đình	Điều kiện vật chất của gia đình	Những nét đặc thù của gia đình trong đó học sinh được giáo dục

3. Để theo dõi sự phát triển của học sinh về học tập và rèn luyện, giáo viên có thể định hướng vào những nội dung sau đây:

- Kết quả học tập thường xuyên của học sinh;
- Mối quan tâm của học sinh trong thời gian rỗi;
- Mối quan tâm của học sinh đối với cuộc sống nhà trường;
- Các nhiệm vụ xã hội của học sinh trong lớp;
- Thông tin về dinh dưỡng/sức khỏe của học sinh;
- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào công việc của lớp;
- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào công việc của trường;
- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào các hoạt động xã hội khác bên ngoài nhà trường...

Giáo viên cũng có thể thiết kế một mẫu phiếu tương tự như mẫu phiếu tâm lý – sự phạm của học sinh gợi ý ở trên (ở phần 1). Tất nhiên phải bổ sung thêm một số cột, tương ứng với các nội dung cần quan tâm theo dõi để điền các thông tin cho dễ theo dõi, so sánh, rút ra nhận xét khái quát.

4. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh viết những nhận xét tức thời về một buổi sinh hoạt lớp trong khoảng 5 phút, chủ yếu để đưa ra nhận xét khái quát nhất về giờ sinh hoạt, tại sao các em lại có nhận xét như vậy, và trong tâm trí các em còn đang có điều gì “vương vấn” (muốn được đề cập đến trong buổi sinh hoạt nhưng chưa thấy có). Tất nhiên, để làm việc này,

giáo viên phải có chuẩn bị từ trước những tờ phiếu nhỏ để học sinh tự điền vào và không làm mất thời gian chung.

- * Thỉnh thoảng giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm những bài luận nhỏ về một số chủ đề do giáo viên đưa ra, qua đó phản ánh được suy nghĩ, tình cảm của học sinh ở thời điểm tương ứng.
- * Giáo viên cũng có thể tạo ra một số nhóm nếu lớp quá đông, rồi sau đó thường xuyên gặp gỡ trao đổi với đại diện của từng nhóm (không phải là các nhóm chính thức, theo nghĩa là các “tổ” hiện có trong mỗi lớp học như chúng ta vẫn làm).
- * Để hiểu biết rõ hơn về học sinh, đồng thời rèn cho học sinh cách làm việc có kế hoạch, giáo viên chủ nhiệm có thể lập một phiếu theo kiểu ma trận gồm có 7 cột với 24 hàng, với mỗi ô cho mỗi giờ đồng hồ trong một tuần. Sau đó phát cho học sinh và yêu cầu các em: “Hãy đánh dấu mỗi giờ mà các em có mặt trên lớp, di chuyển đến trường, ngủ, nghỉ, ăn uống. Rồi, giờ để làm bài tập ở nhà. Nếu không, có thể các em sẽ không có đủ thời gian để tham gia vào các hoạt động của lớp mình”. Việc này sẽ được lặp lại sau mỗi tuần. Tất nhiên, ở những tuần sau đó, học sinh sẽ tự chuẩn bị phiếu căn cứ theo mẫu phiếu đã có. Giáo viên thu lại, kiểm tra mức độ thực hiện của học sinh theo thời gian biểu, theo dõi và trao đổi với học sinh khi có vấn đề.
- * Vào thời điểm cuối năm học, có thể yêu cầu học sinh viết một bài luận hết sức ngắn về một tình huống được tưởng tượng ra nhưng lại rất có ý nghĩa từ khía cạnh khai thác tâm lý học sinh và cũng phù hợp với khả năng của học sinh.

Có rất nhiều cách thức khác nhau để tìm hiểu học sinh một cách hiệu quả. Ở đây chỉ là một số ít trong những cách đó. Bản thân các giáo viên chủ nhiệm có thể xem chúng như các gợi ý cho hoạt động của mình mà thôi.

Đối với người giáo viên chủ nhiệm lớp, việc thấy được quá trình phát triển của học sinh qua những thời điểm khác nhau để có những tác động tiếp theo một cách phù hợp là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, đây không phải là việc dễ dàng mà cần có tính liên tục. Vì vậy, để theo dõi quá trình

tiến bộ của học sinh, nhất thiết phải có sự phân tích kết quả giáo dục của học sinh ở những năm học trước thông qua việc nghiên cứu hồ sơ đã có của học sinh. Đặc biệt lưu ý đến một số khía cạnh như:

- Kết quả học tập và rèn luyện đạo đức;
- Sự tham gia của học sinh vào tập thể lớp học;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh vào tập thể lớp;
- Những thành tích đạt được trong các hoạt động chung của tập thể;
- Những vấn đề về biểu hiện hành vi;
- Tình hình sức khoẻ;
- Quan hệ giao tiếp với bạn cùng tuổi...

5. Phương pháp đánh giá trạng thái cảm xúc của học sinh "CAH"
(dành cho học sinh lớp 4 - 5)

Thông qua việc tự đánh giá của học sinh về một số khía cạnh, như: Cảm giác khoẻ mạnh, Tính tích cực, Tâm trạng, có thể đánh giá được cảm xúc của các em ở thời điểm tương ứng.

Cách làm

- Giáo viên chuẩn bị một tờ phiếu để phát cho học sinh, trên đó có liệt kê các biểu hiện trạng thái cảm xúc khác nhau của con người, cả cảm xúc dương tính lẫn cảm xúc âm tính. Các trạng thái cảm xúc này được đánh giá theo mức độ từ 1 (tình trạng xấu nhất) đến 9 (tình trạng tốt nhất).
- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc kĩ tất cả các biểu hiện trạng thái cảm xúc có trên phiếu, rồi tự đánh giá lần lượt từng biểu hiện theo điểm số tương ứng với cảm xúc của bản thân ở thời điểm nghiên cứu. Học sinh sẽ khoanh tròn chữ số tương ứng với mức độ cảm xúc của mình.

Cách đánh giá

- Giáo viên thu phiếu lại, tính tổng số điểm trung bình đạt được ở mỗi học sinh. Cũng cần lưu ý quan tâm đến cả điểm số của từng biểu hiện trạng thái để có thể hiểu rõ hơn về cảm xúc của học sinh.

Các trạng thái nói lên sức khoẻ gồm các ý: 1, 2, 7, 8, 13, 14, 19, 20, 25, 26.

Các trạng thái nói lên tính tích cực gồm các ý: 3, 4, 9, 10, 15, 16, 21, 22, 27, 28.

Các trạng thái nói lên tâm trạng gồm các ý: 5, 6, 11, 12, 17, 18, 23, 24.

– Kết quả thu được sau khi tính toán sẽ được đánh giá như sau:

Nếu tổng số điểm tối đa đạt 210 điểm là trạng thái “Rất tốt”;

Nếu tổng số điểm trung bình đạt 120 điểm là trạng thái “Bình thường”;

Nếu tổng số điểm tối thiểu đạt 30 điểm là trạng thái “Rất xấu”.

Dưới đây là nội dung của *Phiếu tự đánh giá biểu hiện trạng thái cảm xúc*:

1	Tốt	7	6	5	4	3	2	1	Xấu
2	Mạnh mẽ	7	6	5	4	3	2	1	Yếu ớt
3	Thụ động	7	6	5	4	3	2	1	Tích cực
4	Không muốn làm việc	7	6	5	4	3	2	1	Muốn làm việc
5	Vui vẻ	7	6	5	4	3	2	1	Buồn bã
6	Phấn khởi	7	6	5	4	3	2	1	Chán nản
7	Sung sức	7	6	5	4	3	2	1	Yếu mệt
8	Du thừa sức lực	7	6	5	4	3	2	1	Kiệt lực
9	Chậm chạp	7	6	5	4	3	2	1	Nhanh nhẹn
10	Không muốn động chân tay	7	6	5	4	3	2	1	Muốn hoạt động
11	Hạnh phúc	7	6	5	4	3	2	1	Bất hạnh
12	Sáng khoái	7	6	5	4	3	2	1	Uể oải
13	Căng thẳng	7	6	5	4	3	2	1	Rệu rã
14	Khoẻ mạnh	7	6	5	4	3	2	1	Ốm đau
15	Thờ ơ	7	6	5	4	3	2	1	Hăng hái
16	Dửng dưng	7	6	5	4	3	2	1	Hỏi hớp

17	Khoan khoái	7	6	5	4	3	2	1	Chán chường
18	Vui sướng	7	6	5	4	3	2	1	Buồn bã
19	Thoải mái	7	6	5	4	3	2	1	Mỏi mệt
20	Tươi tỉnh	7	6	5	4	3	2	1	Rầu rĩ
21	Buồn ngủ	7	6	5	4	3	2	1	Bị thôi thúc
22	Muốn nghỉ ngơi	7	6	5	4	3	2	1	Muốn ganh đua
23	Bình tĩnh	7	6	5	4	3	2	1	Lo lắng (lo âu)
24	Yêu đời	7	6	5	4	3	2	1	Chán đời
25	Dẻo dai	7	6	5	4	3	2	1	Chóng mệt mỏi
26	Tỉnh táo	7	6	5	4	3	2	1	Uể oải
27	Đầu óc mục mẫn	7	6	5	4	3	2	1	Đầu óc minh mẫn
28	Đãng trí	7	6	5	4	3	2	1	Tập trung tư tưởng
29	Chứa chan hi vọng	7	6	5	4	3	2	1	Thất vọng
30	Hài lòng	7	6	5	4	3	2	1	Bực dọc

Ở cuối phiếu này, học sinh sẽ ghi tên của mình để giáo viên chủ nhiệm biết đó là bản tự đánh giá của ai.

6. Phương pháp nghiên cứu tính cách của học sinh thông qua việc khái quát các nhận xét độc lập

Cách tiến hành

Có thể tìm hiểu tính cách của học sinh thông qua một số cách khác nhau sau đây:

- Quan sát hành vi của học sinh ở trong và ở ngoài giờ học;
- Phân tích kết quả hoạt động của học sinh (sách vở, bài kiểm tra, bài luận...);
- Trò chuyện với học sinh về các hứng thú, sở thích...;
- Thu thập thông tin về học sinh qua các đối tượng khác cùng phối hợp giáo dục học sinh (giáo viên bộ môn, cha mẹ học sinh, bạn bè trong lớp...)...

Các thông tin thu được từ nhiều nguồn khác nhau sẽ cho ta tư liệu phong phú để rút ra những nhận xét mang tính độc lập về học sinh. Chỉ sau khi đã phân tích xong những nhận xét độc lập này mới bắt đầu viết bản nhận xét tổng hợp.

Cách xử lí tư liệu

Khi mô tả tính cách học sinh cần phân định ra các thành phần sau đây trong cấu trúc của tính cách:

- a. Những nét xu hướng nhân cách: hứng thú, niềm tin, tâm thế, nguyện vọng...;
- b. Những nét trí tuệ: tính tò mò, ham hiểu biết, chiều sâu, bề rộng, sự linh hoạt của trí tuệ;
- c. Những nét xúc cảm: tính xung động, tính ổn định của cảm xúc, tính nhạy cảm, tính giàu ấn tượng;
- d. Những nét ý chí: tính quyết đoán, tính mục đích, tính kiểm chế, tính độc lập, tính ổn định;
- e. Những nét khí chất: nóng nảy, bình thản...

Khi mô tả tính cách của học sinh, giáo viên cũng cần chỉ ra mức độ của các phẩm chất tính cách như: mức độ đầy đủ, mức độ trọn vẹn (hoàn chỉnh), xác định, cân bằng, cứng rắn, mạnh mẽ.

7. Xây dựng phác đồ đặc trưng tâm lí của nhân cách

Cách tiến hành

Xây dựng phác đồ dựa trên sự tự đánh giá của học sinh, hoặc dựa trên cơ sở của phương pháp khái quát hoá những nhận xét độc lập để mô tả đặc trưng nhân cách của học sinh. Dưới đây là mẫu mô tả:

PHÁC ĐỒ ĐẶC TRƯNG TÂM LÍ CỦA NHÂN CÁCH

Họ, tên học sinh:

Giới tính:

Tuổi:

Lớp:

Trường:

1. Nhân cách và hoạt động

- Mục đích và động cơ chung của hoạt động.
- Hoạt động học tập: Thành tích học tập; Tính tổ chức trong hoạt động học tập; Tính hệ thống trong học tập trong suốt cả năm học: số giờ học trong một ngày, số buổi học trong một tuần, việc thực hiện các hoạt động học tập khác nhau... Học tập có khó khăn/vất vả không? Mức độ thỏa mãn với kết quả trong học tập.

Các kĩ năng học tập: kĩ năng ghi bài, tóm tắt tài liệu, làm báo cáo, kĩ năng ghi nhớ...

Hứng thú đối với hoạt động nói chung và với hoạt động học tập nói riêng: thể hiện hứng thú (có hay không?) đối với từng môn học, thái độ học tập nói chung...

- Hoạt động văn nghệ, thể thao, giải trí...
- Số thời gian rỗi trong một tuần được sử dụng như thế nào. Loại hoạt động điển hình trong thời gian rỗi. Loại nào đem lại sự thỏa mãn đặc biệt. Mức độ thỏa mãn chung đối với việc sử dụng thời gian rỗi.

2. Các thuộc tính nhân cách

- Xu hướng và tính tích cực xã hội.

Niềm tin, tính Đảng, tính nguyên tắc.

Sự quan tâm đến đời sống chính trị – xã hội, kinh tế, văn hoá của đất nước, trên thế giới. Nguồn thu thập thông tin về các vấn đề đó (đọc báo, trao đổi với bạn bè...).

Thái độ đối với lớp, với tổ học tập.

Các công tác xã hội và sự thực hiện các công tác đó. Việc tham dự các sinh hoạt của lớp, tổ, đoàn...

Thái độ lao động. Sự tham gia các hoạt động lao động trong dịp nghỉ hè.

Thái độ đối với các sự kiện chính trị, xã hội trong nước và thế giới. Mức độ thỏa mãn với hoạt động xã hội của mình. Thái độ đối với tài sản chung...

- Đặc điểm về tính cách: Thái độ đối với bản thân. Sự tự đánh giá. Mức độ kì vọng. Nhu cầu nhận thức và tự giáo dục. Thái độ đối với người khác. Tính tập thể. Nhu cầu giao tiếp. Đặc điểm của giao tiếp (vui vẻ, cởi mở...). Thái

độ đối với trẻ em, đối với người lớn. Thái độ đối với lao động, học tập. Các nét ý chí của tính cách (tính mục đích, tính độc lập, tính kiên trì...).

- Đặc điểm về khí chất: kiểu khí chất, các đặc điểm tâm lý và thuộc tính của hệ thần kinh.

3. Những đặc điểm cá nhân của các quá trình tâm lý

- Đặc điểm của các quá trình nhận thức: cảm giác và tri giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ, tưởng tượng, chú ý.
- Đặc điểm thể hiện của cảm xúc và tình cảm: tính cảm xúc chung, tâm trạng ưu thế, tính biến đổi và ổn định của tâm trạng, sự căng thẳng của cảm xúc, trạng thái hăng hụt, sự thể hiện của các tình cảm đạo đức, thẩm mỹ, trí tuệ.
- Đặc điểm thể hiện của ý chí: thái độ trước những trở ngại và việc khắc phục những trở ngại, nét điển hình trong việc ra quyết định và thực hiện quyết định. Kỹ năng và kĩ xảo tự kiểm tra, tự điều chỉnh, đặc biệt trong những điều kiện sống và hoạt động khó khăn.

4. Vị trí trong nhóm và các quan hệ qua lại với bạn bè

- Vị trí trong nhóm. Là thủ lĩnh trong lĩnh vực hoạt động nào?
- Có nhiều bạn không? Nguyên vọng được học tập và sinh hoạt trong nhóm đó là gì? Mức độ thỏa mãn về vị trí của mình ở trong nhóm.
- Có xung đột với bạn bè trong nhóm không? Mức độ như thế nào? Vì sao?

5. Các năng lực và triển vọng trong tương lai

- Năng lực học tập và năng lực hoạt động?
- Năng lực riêng trong lĩnh vực thể thao?
- Có năng lực đặc biệt nào về một lĩnh vực hoạt động khác hay không?
- Mong muốn làm nghề gì sau này? Sau khi tốt nghiệp phổ thông muốn học tiếp hay đi làm? Vì sao?

Kết luận: Xu hướng chung, mục đích và động cơ hoạt động của học sinh:

1. Các loại hoạt động chủ yếu thể hiện các năng lực, tính tích cực, hứng thú, hiệu quả hoạt động.

2. Các thành tích trong những dạng hoạt động đó có liên quan tới những đặc điểm nào của nhân cách?
3. Các loại hoạt động mà cá nhân không thể có được sự thành công ở đó. Vì sao?
4. Mức độ thỏa mãn về những thành quả của mình, các mục tiêu về kế hoạch triển vọng trong tương lai?
5. Các đặc điểm mạnh và yếu, tích cực và tiêu cực của nhân cách.

Dĩ nhiên là không thể đưa vào tài liệu tất cả các phương pháp đơn giản có sẵn để tìm hiểu tâm lí học sinh. Trên đây chỉ là một số gợi ý của chúng tôi về cách thức tìm hiểu học sinh. Thực tế cho thấy, bản thân các giáo viên chủ nhiệm, với kinh nghiệm nghề nghiệp sẵn có và thái độ luôn học hỏi của mình, sẽ có thể đưa ra nhiều sáng kiến hay về những cách thức khác nhau để tìm hiểu học sinh một cách hiệu quả.

Trong quá trình làm việc với học sinh, các giáo viên chủ nhiệm còn có thể đưa ra những cách làm mới, dễ dàng thực hiện, phù hợp nhất với điều kiện giáo dục hiện nay ở nhà trường cũng như phù hợp hơn với đối tượng học sinh đang hàng ngày biến đổi. Vì thế, những gì nêu ra trong module này chủ yếu là những gợi ý để giáo viên tham khảo áp dụng và tiếp tục suy nghĩ về những cải tiến, hoàn thiện trong tương lai.

Hoạt động 5

THỰC HÀNH TÌM HIỂU BIỂU HIỆN TÂM LÍ CỦA HỌC SINH (CÁ BIỆT, HỌC KÉM, HỌC SINH GIỎI VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU) THEO MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT KHÁCH QUAN.

I. MỤC TIÊU

- Học viên thực hành sử dụng một số phương pháp tìm hiểu tập thể học sinh và đặc điểm tâm lí cá nhân học sinh vào tìm hiểu học sinh.
- Học viên tự xây dựng cách thức riêng để tìm hiểu tâm lí học sinh.

II. CÁCH TIẾN HÀNH

- Học viên tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.

- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.
- Giáo viên hướng dẫn học viên thực hành cách sử dụng một số phương pháp đơn giản (phương pháp định lượng hoặc định tính) để tìm hiểu về học sinh ở một số đặc điểm trí tuệ, những khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập và nhân cách.
- Cả lớp trao đổi về những phương pháp, cách thức đã thực hành: tự đánh giá về những điểm đã làm được, những điểm còn phải tiếp tục làm thử để trở thành kỹ năng.

III. ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên tự thực hành một số phương pháp đã gợi ý ở hoạt động 4.
- Giáo viên tự thiết kế phiếu quan sát các đặc điểm tâm lý của học sinh học kém, học sinh cá biệt hoặc học sinh giỏi, năng khiếu.
- Giáo viên tự thiết kế phiếu đánh giá các đặc điểm tâm lý của học sinh học kém, học sinh cá biệt hoặc học sinh giỏi, năng khiếu.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI

Ví dụ 1: Tìm hiểu chất lượng và số lượng hành vi đạo đức của học sinh (dành cho giáo viên)

*** Cách tiến hành:**

Giáo viên đánh giá hành vi đạo đức của học sinh bằng cách khoanh tròn vào một phương án hành động phù hợp với học sinh trong các trường hợp sau:

1. Sự tham gia của học sinh vào các công việc tập thể:

- a. Không bao giờ tham gia.
- b. Thỉnh thoảng, tùy trường hợp.
- c. Thường tham gia, nhưng không do sáng kiến bản thân.
- d. Luôn luôn, đôi khi do sáng kiến của bản thân.
- e. Là người đưa ra sáng kiến trong tập thể.

2. Sự tham gia giúp bạn học tập:
- a. Không bao giờ tham gia.
 - b. Thỉnh thoảng, tùy trường hợp.
 - c. Thường, nhưng không do sáng kiến bản thân.
 - d. Thường, đôi khi do sáng kiến của bản thân.
 - e. Tham gia thường xuyên theo sáng kiến cá nhân.
3. Việc giúp bạn tham gia công việc tập thể:
- a. Không bao giờ giúp ai cả.
 - b. Ít khi giúp bạn, từng việc có lựa chọn.
 - c. Đôi khi, việc gì cũng làm.
 - d. Thường xuyên nhưng phải chọn việc.
 - e. Bao giờ cũng giúp, bất kì công việc gì.
4. Mức độ tự phê bình của học sinh:
- a. Không bao giờ chấp nhận phê bình.
 - b. Ít khi chấp nhận phê bình.
 - c. Đôi khi chấp nhận phê bình.
 - d. Nhận phê bình có suy nghĩ.
 - e. Tự phê bình, không cần người khác phê bình.
5. Trách nhiệm đối với công việc:
- a. Không bao giờ có thể giao cho một việc cần có trách nhiệm.
 - b. Thỉnh thoảng, có thể giao cho việc nào đó.
 - c. Có thể giao việc thường xuyên.
 - d. Bao giờ cũng có thể giao việc.
 - e. Bản thân là người có sáng kiến thực hiện công việc và hoàn thành có trách nhiệm.

* *Cách xử lí*

Mỗi câu trả lời được đánh giá theo điểm: a – 1 điểm; b – 2 điểm; c – 3 điểm; d – 4 điểm; e – 5 điểm. Sau đó tính tổng số, chia cho số lượng các câu hỏi. Điểm tối đa là 5 điểm, tối thiểu là 1 điểm.

Ví dụ 2: Xác định mức độ hành vi đạo đức của học sinh (dành cho phụ huynh học sinh)

** Cách tiến hành*

Đề nghị các bậc phụ huynh trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào một phương án ở bản tự khai sau đây:

1. Trong gia đình con cái có vâng lời và thực hiện công việc không?
 - a. Không bao giờ chấp hành và vâng lời.
 - b. Nhiều khi không chấp hành và không vâng lời.
 - c. Không phải bao giờ cũng vâng lời và chấp hành.
 - d. Luôn luôn chấp hành và vâng lời.
2. Hành vi của học sinh khi ở nhà:
 - a. Thường xuyên tỏ ra hỗn láo, có hành vi xấu.
 - b. Hay bộc lộ hành vi xấu, không quan tâm đến nhận xét.
 - c. Không phải bao giờ cũng thế, nghịch ngợm, nhưng có chủ ý sửa chữa khi được nhận xét.
 - d. Luôn luôn tốt, ngoan.
3. Về tính nhạy cảm và lòng vị tha đối với cha mẹ và họ hàng:
 - a. Thường xuyên hỗn láo, thô lỗ.
 - b. Hay tỏ ra thô lỗ, ích kỉ, nhấn tằm.
 - c. Không phải bao giờ cũng quan tâm, tốt bụng.
 - d. Quan tâm, tốt bụng và nhân hậu.
4. Về sự chăm chỉ lao động:
 - a. Rất lười, lảng tránh việc nhà.
 - b. Hay lảng tránh việc nhà, chỉ làm việc khi có sự kiểm tra.
 - c. Không phải bao giờ cũng giúp người khác, chỉ làm khi được giao việc.
 - d. Ưa thích công việc trong gia đình, luôn giúp đỡ người lớn.

5. Về đức khiêm tốn trong quan hệ với họ hàng và người thân:
 - a. Rất kiêu căng, khoác lác, tự cao.
 - b. Hay tỏ ra kiêu căng, tự phụ.
 - c. Thỉnh thoảng tỏ ra kiêu căng, tự cao.
 - d. Bao giờ cũng khiêm tốn.
6. Trẻ có phê bình người khác không?
 - a. Không phê bình ai, chỉ lựa theo ý kiến mọi người.
 - b. Ít phát biểu ý kiến của riêng mình, ít khi phê bình người khác.
 - c. Phê bình nhưng không phải bao giờ cũng phê bình đúng và hợp lí.
 - d. Biết phê bình người khác đúng và hợp lí.
7. Về tự phê bình:
 - a. Tiếp thu phê bình một cách giận dữ, có khi thô lỗ trước nhận xét của người khác.
 - b. Không nhận phê bình, nhận xét của người khác.
 - c. Không chịu sửa chữa sau khi nhận lời phê bình.
 - d. Tự phê bình, tôn trọng lời phê bình của người nhà, có chú ý sửa chữa.
8. Về việc học tập ở nhà:
 - a. Không chịu học bài, làm bài, không thích đến trường.
 - b. Thiếu tinh thần trách nhiệm với bài tập về nhà, phải luôn luôn cần đến sự kiểm tra bài vở.
 - c. Luôn luôn không lo lắng đến việc làm bài ở nhà.
 - d. Tự nguyện và có trách nhiệm với việc học tập.
9. Đối với các hoạt động xã hội:
 - a. Không ưa thích hoạt động xã hội, không hoàn thành công việc xã hội.
 - b. Thường thiếu tinh thần trách nhiệm với công việc xã hội, bố mẹ phải đôn đốc.
 - c. Không luôn luôn tỏ ra muốn thực hiện công việc xã hội được giao.

d. Tự nguyện tham gia công việc xã hội, về nhà thích thú kể lại công việc đã làm được.

10. Thái độ đối với lớp học, với nhà trường:

- a. Không thích học ở lớp đó, có thái độ xấu đối với lớp, trường.
- b. Thờ ơ với công việc của lớp, trường.
- c. Thích lớp, trường, nhưng ít làm việc tốt cho lớp, trường.
- d. Thích lớp, trường, luôn làm việc tốt cho lớp, trường nếu có dịp.

* *Cách xử lí*

Sau khi nhận được phiếu trả lời của phụ huynh học sinh, cần tổng kết lại, tính tổng điểm từng em đạt được với mức điểm a – 1 điểm; b – 2 điểm; c – 3 điểm; d – 4 điểm chia cho 10 (10 câu hỏi).

Mức độ biểu hiện các hành vi đạo đức được đánh giá như sau:

- Từ 1 đến 1,5: không thể hiện.
- Từ 1,5 đến 2,5: thể hiện yếu.
- Từ 2,5 đến 3,5: có thể hiện.
- Từ 3,5 đến 4: thể hiện rõ.

Ví dụ 3: Mẫu phiếu phỏng vấn những khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập dành cho học sinh lớp 1 – 2:

PHIẾU PHỎNG VẤN CÁ NHÂN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN TÂM LÍ
TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP
(Dành cho học sinh lớp 1 – 2)

Họ và tên học sinh: Nam/Nữ:

Lớp: Trường:

Tỉnh: Khu vực:

Câu 1: Con có thích đi học không?

Có

Không

Vì sao:

Câu 2: Khi đi học con có khóc không?

Có Không

Nếu có, thì vì sao con khóc:

.....

Câu 3: Con có hay đi học sớm không?

Có Không

Vì sao con đến trường sớm?

.....

Câu 4: Trong hai tuần vừa qua, con có bị cô giáo nhắc vì không tập trung trong giờ học không?

Có Không

Nếu có, lúc đó con đang làm gì?

- Nói chuyện riêng.
- Chui xuống gầm bàn.
- Chơi đồ chơi.
- Nằm ra ghế.
- Chạy ra khỏi chỗ.
- Ăn quà vặt.

- Khác:

Câu 5: Khi cô giáo dạy con đọc, con có đọc được không? (Yêu cầu học sinh đọc một câu văn hoặc câu thơ)

- Đọc đúng tốc độ quy định, phát âm rõ ràng
- Đọc chậm
- Phát âm sai
- Không đọc được

Câu 6: Khi cô giáo hỏi về nội dung bài đọc, con có trả lời đúng không?

Đúng Lúc đúng lúc không Không đúng

Vì sao?

.....

Câu 7: Trong 2 tuần qua, con có làm đúng các bài tập toán không? (Yêu cầu học sinh làm thử các phép tính)

Làm được các phép tính $+/ -$ trong phạm vi trên 10

Làm được các phép tính $+/ -$ trong phạm vi 10

Không làm được

Câu 8: Con có làm xong hết các bài tập toán cô giáo giao trong giờ học toán không?

Có Không

Nếu không, tại sao?

.....

Câu 9: Trong giờ tập viết, con có viết kịp các bạn trong lớp không? (Yêu cầu học sinh viết một câu văn hoặc một câu thơ)

a. Có Không

Nếu không, thì tại sao:

.....

b. Viết chữ đẹp, đúng nét theo quy định

Viết chữ xấu

Viết sai chữ, không đúng nét theo quy định

Không viết được

Câu 10: Trong hai tuần vừa qua, con có đi học muộn không?

Có Không

Vì sao?

Câu 11: Trong hai tuần vừa qua, con có vứt rác ra lớp/ trường hoặc vẽ bậy lên bàn ghế/ lên tường không?

Có Không

Nếu có, thì mấy lần:

Câu 12: Trong hai tuần vừa qua, con có quên mang sách vở, đồ dùng học tập không?

Có

Không

Nếu có, thì mấy lần:

Câu 13: Con có giơ tay khi muốn phát biểu không?

Có giơ tay xin phép

Có lúc giơ tay, có lúc không

Không xin phép

Câu 14: Ở lớp, giờ ra chơi con có chơi với các bạn không?

Bạn cùng lớp

Bạn trai

Bạn cùng tổ

Bạn gái

Bạn khác lớp

Không chơi với các bạn

– Nếu không, vì sao:

Câu 15: Khi không làm được bài, con có hỏi bạn không?

Có

Không

Nếu không, thì vì sao?

Câu 16: Trong lớp, các bạn có thích chơi với con không?

Có, vì:

Không, vì:

Con chơi với bạn

Con không thích chơi với bạn

Con hay cho bạn ăn

Con hay trêu bạn

Con hay cho bạn đồ chơi

Con hay đánh bạn

Con xinh

Con học kém

Con học giỏi

Khác:

Khác:

.....

Câu 17: Trong 2 tuần qua, con có trêu chọc, cãi nhau, đánh nhau với bạn không?

Có Không

Khi bị con trêu chọc bạn đã làm gì?

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Trêu lại | <input type="checkbox"/> Khóc |
| <input type="checkbox"/> Đánh lại | <input type="checkbox"/> Thua cô giáo |
| <input type="checkbox"/> Cãi lại | Khác: |

Câu 18: Ở trường con có bị các bạn trêu chọc không?

Có Không

Con đã làm gì khi bị bạn trêu chọc?

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Trêu lại | <input type="checkbox"/> Khóc |
| <input type="checkbox"/> Đánh lại | <input type="checkbox"/> Thua cô giáo |
| <input type="checkbox"/> Cãi lại | Khác: |

Câu 19: Con có thích cô giáo của con không?

Thích

Bình thường

Không thích

Vì sao?

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Cô đẹp | <input type="checkbox"/> Cô hay khen con |
| <input type="checkbox"/> Cô giảng hay | <input type="checkbox"/> Cô hay cho con đồ dùng học tập |
| <input type="checkbox"/> Cô hay gọi con lên bảng | Khác: |

Câu 20: Có chuyện gì con có hỏi/ mách cô giáo không?

Có Không

Nếu con có hỏi, cô giáo có trả lời con không?

Nếu không, vì sao con không hỏi/ mách cô?

Câu 21: Con có hay được cô giáo gọi phát biểu ý kiến không?

Có Không

Nếu có:

– Khi lên bảng/ phát biểu ý kiến con có run không?

Có Không

– Khi lên bảng/ phát biểu ý kiến con nói có rõ ràng, to không?

Có Không

– Đánh giá chung:

.....
.....
.....

Ví dụ 4: Mẫu phiếu đánh giá khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập dành cho học sinh lớp 3.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KHÓ KHĂN TÂM LÍ TRONG HỌC TẬP
(Dành cho học sinh lớp 3)

Họ và tên: Nam/Nữ:

Lớp: Trường:

Tỉnh: Khu vực:

Dưới đây là những biểu hiện tâm lí gây cản trở hoạt động học tập ở lứa tuổi học sinh Tiểu học. Xin em hãy đọc kĩ từng câu, sau đó khoanh tròn vào một chữ số thích hợp (từ 1 đến 3) biểu thị đúng nhất hành vi, cảm xúc của em vào lúc này hoặc trong thời gian 2 tuần gần đây (không có câu trả lời đúng hoặc sai).

- Không đúng khoanh số 1.
- Thỉnh thoảng đúng khoanh số 2.
- Thường xuyên đúng khoanh số 3.

STT	Biểu hiện	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
1	Chán nản thất vọng khi gặp thất bại trong học tập	1	2	3
2	Quên những gì em đã học	1	2	3
3	Chán học	1	2	3
4	Bỏ giờ học không có lí do	1	2	3
5	Không trả lời được những câu hỏi về nội dung của bài tập đọc	1	2	3
6	Buồn vì mọi người xa lánh mình	1	2	3
7	Nói chuyện riêng hoặc làm việc riêng trong giờ học	1	2	3
8	Mắc nhiều lỗi chính tả	1	2	3
9	Lo lắng	1	2	3
10	Trêu chọc các bạn trong giờ học	1	2	3
11	Khó viết một đoạn văn ngắn	1	2	3
12	Lo sợ mỗi khi cô giáo gọi lên bảng	1	2	3
13	Vẽ bậy, vứt rác ra lớp, trường	1	2	3
14	Khó thực hiện các phép tính	1	2	3
15	Tự ái, hờn dỗi	1	2	3
16	Bỏ dở công việc	1	2	3
17	Khó giải được các bài toán có lời văn	1	2	3
18	Cảm thấy mình kém cỏi, vô dụng	1	2	3

STT	Biểu hiện	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
19	Quên hoặc mang nhầm sách vở, đồ dùng học tập	1	2	3
20	Đọc chậm	1	2	3
21	Căng thẳng	1	2	3
22	Chưa nghe hết câu hỏi đã trả lời	1	2	3
23	Đọc chưa lưu loát, trôi chảy	1	2	3
24	Nhút nhát, thu mình	1	2	3
25	Rời khỏi chỗ của mình trong giờ học khi chưa được phép	1	2	3
26	Khó làm đúng bài toán giải bằng hai phép tính	1	2	3
27	Dễ cáu giận	1	2	3
28	Ít được bạn chọn trong các hoạt động nhóm hoặc trò chơi	1	2	3
29	Trong giờ học hay nhìn ra ngoài, suy nghĩ về việc khác	1	2	3
30	Dễ xúc động, dễ chảy nước mắt	1	2	3
31	Có ít bạn	1	2	3
32	Khó tập trung lắng nghe người khác nói với mình	1	2	3
33	E ngại, dè dặt khi trò chuyện với bạn cùng lớp, cùng tuổi	1	2	3
34	Không thích cô giáo dạy lớp em trong năm học này	1	2	3
35	Khó hoàn thành công việc ở trường hoặc ở nhà	1	2	3

STT	Biểu hiện	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
36	Bị các bạn bắt nạt, trêu chọc	1	2	3
37	Bực bội, khó chịu khi làm theo yêu cầu của thầy, cô giáo	1	2	3
38	Khó tổ chức thực hiện các hoạt động của mình	1	2	3
39	Thích ở một mình hơn là chơi với các bạn	1	2	3
40	Lảng tránh, không thích gặp cô giáo chủ nhiệm	1	2	3
41	Không thích những công việc đòi hỏi phải suy nghĩ	1	2	3
42	Cãi cọ, gây gổ với bạn	1	2	3
43	Run mỗi khi cô giáo gọi lên bảng	1	2	3
44	Đánh mất đồ dùng học tập hoặc những đồ vật cần thiết khác	1	2	3
45	Đánh nhau với bạn	1	2	3
46	Lúng túng mỗi khi tiếp xúc với thầy, cô giáo	1	2	3
47	Phân tán chú ý khi có sự việc khác xảy ra (tiếng ồn)	1	2	3
48	Đổ lỗi cho bạn	1	2	3
49	Khó kết bạn	1	2	3
50	Tham gia vào những việc có thể làm cô giáo tức giận	1	2	3
51	Dễ bị bạn bè rủ rê	1	2	3
52	Chỉ tập trung vào bài học trong một thời gian ngắn.	1	2	3

Ví dụ 5: Mẫu Phiếu đánh giá khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập dành cho học sinh lớp 4, 5.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KHÓ KHĂN TÂM LÍ TRONG HỌC TẬP
(Dành cho học sinh lớp 4 – 5)

Họ và tên: Nam/Nữ:

Lớp: Trường:

Tỉnh: Khu vực:

Dưới đây là những biểu hiện tâm lí gây cản trở hoạt động học tập ở lứa tuổi học sinh Tiểu học. Xin em hãy đọc kĩ từng câu, sau đó khoanh tròn vào một chữ số thích hợp (từ 1 đến 3) biểu thị đúng nhất hành vi, cảm xúc của em vào lúc này hoặc trong thời gian 2 tuần gần đây (không có câu trả lời đúng hoặc sai).

- Không đúng khoanh số 1
- Thỉnh thoảng đúng khoanh số 2
- Thường xuyên đúng khoanh số 3

STT	Câu hỏi	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
1	Chán nản thất vọng khi gặp thất bại trong học tập	1	2	3
2	Hay quên những gì em đã học	1	2	3
3	Chán học	1	2	3
4	Bỏ giờ học không có lí do	1	2	3
5	Không hiểu nội dung chính của bài đọc	1	2	3
6	Cảm thấy buồn vì mọi người xa lánh mình	1	2	3
7	Nói chuyện riêng hoặc làm việc riêng trong giờ học	1	2	3

STT	Câu hỏi	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
8	Mắc nhiều lỗi chính tả	1	2	3
9	Lo lắng	1	2	3
10	Trêu chọc các bạn trong giờ học	1	2	3
11	Khó viết bài văn miêu tả	1	2	3
12	Lo sợ, rụt rè mỗi khi cô giáo gọi lên bảng	1	2	3
13	Vẽ bậy, vứt rác ra lớp, trường	1	2	3
14	Khó thực hiện phép tính với số thập phân	1	2	3
15	Tự ái, hờn dỗi	1	2	3
16	Bỏ dở công việc	1	2	3
17	Không giải được các bài toán có lời văn	1	2	3
18	Cảm thấy mình kém cỏi, vô dụng	1	2	3
19	Quên hoặc mang nhầm sách vở, đồ dùng học tập	1	2	3
20	Khó giải bài toán dưới dạng quan hệ	1	2	3
21	Căng thẳng	1	2	3
22	Chưa nghe hết câu hỏi đã trả lời	1	2	3
23	Đọc chậm	1	2	3
24	Nhút nhát, thu mình	1	2	3
25	Rời khỏi chỗ của mình trong giờ học khi chưa được phép	1	2	3
26	Khó tập trung chú ý vào chi tiết, hoặc hay mắc lỗi do không cẩn thận trong các hoạt động ở trường, ở nhà	1	2	3
27	Dễ cáu giận	1	2	3
28	Lóng ngóng và vụng về trong công việc	1	2	3

STT	Câu hỏi	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
29	Trong giờ học hay nhìn ra ngoài, suy nghĩ về việc khác	1	2	3
30	Ít được bạn chọn trong các hoạt động nhóm hoặc trò chơi	1	2	3
31	Khó tập trung lắng nghe người khác nói với mình	1	2	3
32	Khó hợp tác với các bạn khi làm việc nhóm	1	2	3
33	Không thích cô giáo dạy lớp em trong năm học này	1	2	3
34	Khó hoàn thành công việc ở trường hoặc ở nhà	1	2	3
35	Không có bạn hoặc có ít bạn	1	2	3
36	Bực bội, khó chịu khi làm theo yêu cầu của thầy, cô giáo	1	2	3
37	Khó khăn trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động của mình	1	2	3
38	E ngại, dè dặt khi trò chuyện với bạn cùng lớp, cùng tuổi	1	2	3
39	Lảng tránh, không thích gặp cô giáo chủ nhiệm	1	2	3
40	Không thích những công việc đòi hỏi phải suy nghĩ	1	2	3
41	Bị các bạn bắt nạt, trêu chọc	1	2	3
42	Run mỗi khi cô giáo gọi lên bảng	1	2	3
43	Đánh mất đồ dùng học tập hoặc những đồ vật cần thiết khác	1	2	3
44	Thích ở một mình hơn là chơi với các bạn	1	2	3
45	Lúng túng mỗi khi tiếp xúc với thầy, cô giáo	1	2	3
46	Phân tán chú ý khi có sự việc khác xảy ra (tiếng ồn)	1	2	3

STT	Câu hỏi	Không đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng
47	Cãi cọ, gây gổ với bạn	1	2	3
48	Đánh nhau với bạn	1	2	3
49	Tham gia vào những việc có thể làm cô giáo tức giận	1	2	3
50	Đổ lỗi cho bạn	1	2	3
51	Khò kết bạn	1	2	3
52	Dễ bị bạn bè rủ rê	1	2	3
53	Khó diễn đạt để bạn hiểu	1	2	3
54	Chỉ tập trung vào bài học trong một thời gian ngắn	1	2	3

TỔNG KẾT MODULE

- Giảng viên chốt lại những ý chính của module và những hoạt động đã thực hiện nhằm giúp học viên nâng cao kĩ năng tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh.
- Nhấn mạnh ý nghĩa của việc giáo viên chủ nhiệm thường xuyên thực hiện tìm hiểu học sinh, bởi vừa giúp giáo viên hiểu rõ, hiểu đúng về đặc điểm tâm lí ở học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu, đồng thời vừa giúp rèn luyện phát triển một số kĩ năng nghề nghiệp khác ở người giáo viên như: óc quan sát, sự đồng cảm, tính công bằng, khách quan...



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường THCS, THPT*, 2011.
2. Lê Mỹ Dung, *Nghiên cứu khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh Tiểu học*, Đề tài cấp Bộ, 2010.
3. Trần Diên Hiền, *10 chủ đề trắc nghiệm khách quan toán 4*, NXB Đại học Sư phạm, 2006.
4. Nguyễn Kế Hào, *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, 2009.
5. Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hoà, *Giáo dục học Tiểu học I, II*, NXB Đại học Sư phạm, 2008.
6. Phó Đức Hoà, *Đánh giá trong giáo dục tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2008.
7. Phó Đức Hoà, *Lý thuyết trắc nghiệm khách quan và thiết kế bài tập trắc nghiệm ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2008.
8. Bùi Văn Huệ, Phan Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc, *Giáo trình Tâm lý học Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2008.
9. Dương Giáng Thiên Hương, *Giáo trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2009.
10. Nguyễn Văn Lũy, Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển, *Sư phạm học tiểu học*, NXB Giáo dục, 2006.
11. Lê Phương Nga, *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2010.
12. Nguyễn Xuân Thúc, *Phương pháp nghiên cứu tâm sinh lý học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2010.

13. Trần Trọng Thủy (Chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lí học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
14. Trung tâm Tâm lí học – Sinh lí học lứa tuổi, *Một số đặc điểm sinh lí và tâm lí của học sinh Tiểu học ngày nay*, Sách chuyên khảo, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
15. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, *Kĩ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về “Những khó khăn trong học tập ngôn ngữ và toán của học sinh tiểu học”*, 2007.
16. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Kế Hào, Phan Thị Hạnh Mai, *Tâm lí học. Tài liệu dùng cho giáo viên Tiểu học trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm, Dự án phát triển giáo viên Tiểu học*, NXB Giáo dục – NXB Đại học Sư phạm, 2007.
17. Ann Robinson, Bruce M. Shore, Donna Lenerssen, *Best practices in gifted education*, Prufrock, USA, 2007.